

Bản án số: 144/2021/HNGĐ-ST

Ngày 23/6/2021

Về việc: “Không công nhận vợ chồng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Xuân Tiên

2. Ông Nguyễn Đăng Thám

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Sen – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Trương Hồng Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 77/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 về việc: “Tranh chấp về hôn nhân gia đình”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/QĐXX-ST ngày 31 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ 4, thôn T, xã Bình P, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

*** Bị đơn:** Nguyễn Bá T, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Tổ 1, thôn T, xã Bình P, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu S trình bày:*

Tôi và anh Nguyễn Bá T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 cho đến nay nhưng chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, tôi và anh Nguyễn Bá T đã không chung sống với nhau từ tháng 4 năm 2020 đến nay. Nay tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T tuyên bố tôi và anh Nguyễn Bá T không phải là vợ chồng.

- Về con chung: Tôi và anh Nguyễn Bá T có 01 con chung là Nguyễn Song T, sinh ngày 06/3/2010. Nguyễn vọng của tôi là được nuôi con và không yêu cầu anh Nguyễn Bá T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tôi và anh Nguyễn Bá T không có tài sản chung nên không yêu cầu tòa giải quyết.

- Nợ chung: Tôi và anh Nguyễn Bá T không có nợ chung.

** Theo biên bản lấy lời khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Bá T trình bày:* Tôi và chị Nguyễn Thị Thu S tự nguyện tìm hiểu, tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đi đến chung sống với nhau từ năm 2009 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới thì tôi và chị S về xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam chung sống. Tôi thừa nhận trong cuộc sống chung vợ chồng có mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống nên tôi và chị Nguyễn Thị Thu S không chung sống với nhau từ tháng 4 năm 2020 đến nay. Nay chị Nguyễn Thị Thu S yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T tuyên bố tôi và chị Nguyễn Thị Thu S không phải là vợ chồng thì bản thân tôi cũng thống nhất theo yêu cầu của chị S.

- Về con chung: Tôi và chị Nguyễn Thị Thu S có 01 con chung là Nguyễn Song T, sinh ngày 06/3/2010. Tôi đồng ý giao con cho S nuôi đến 18 tuổi trưởng thành.

- Về tài sản chung: Tôi và chị Nguyễn Thị Thu S không có tài sản chung nên không yêu cầu tòa giải quyết.

- Nợ chung: Tôi và chị Nguyễn Thị Thu S không có nợ chung.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 144; 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

* Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu S. Xử không công nhận chị Nguyễn Thị Thu S và anh Nguyễn Bá T là vợ chồng.

* Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị Thu S và anh Nguyễn Bá T: Giao cho chị Nguyễn Thị Thu S nuôi con chung Nguyễn Song T, sinh ngày 06/3/2010 đến 18 tuổi trưởng thành.

Chị Nguyễn Thị Thu S không yêu cầu anh Nguyễn Bá T cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

* Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thu S và anh Nguyễn Bá T khai không có tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

* Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu S và anh Nguyễn Bá T đều khai không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ lời trình bày của đương sự căn cứ vào kết quả tranh tụng

tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu S yêu cầu Tòa án giải quyết việc không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Nguyễn Bá T là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc trường hợp không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị S và anh T đều sinh sống và cư trú tại xã Bình P, huyện T, tỉnh Quảng Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu S và anh Nguyễn Bá T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Quá trình chung sống thì xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Do đó, chị Nguyễn Thị Thu S có đơn đề nghị Tòa án không công nhận chị S với anh T là vợ chồng là có cơ sở vì chính quyền địa phương cũng đã xác nhận thông tin về việc chị S và anh T không có đăng ký kết hôn tại địa phương. Theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...” Hội đồng xét xử xét thấy chị S và anh T xác định không muốn tiếp tục sống chung với nhau nữa nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu S, tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị Thu S và anh Nguyễn Bá T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu S và anh Nguyễn Bá T có 01 con chung là Nguyễn Song T, sinh ngày 06/3/2010. Nay chị S và anh T thống nhất thỏa thuận giao cho chị S nuôi con chung Nguyễn Song T, sinh ngày 06/3/2010 đến 18 tuổi trưởng thành. Sự tự nguyện thỏa thuận của chị S, anh T không trái với quy định của pháp luật và phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét công nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Thu S không yêu cầu anh Nguyễn Bá T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thu S và anh Nguyễn Bá T khai không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu S và anh Nguyễn Bá T đều khai không có nên không xét.

[6] Án phí LHST: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng y) xét buộc chị Nguyễn Thị Thu S phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí LHST 300.000 đồng chị S đã nộp theo biên lai thu số 0005892 ngày 23/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 144; 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu S. Xử không công nhận chị Nguyễn Thị Thu S và anh Nguyễn Bá T là vợ chồng.

2. Về con chung: Xử công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị Thu S và anh Nguyễn Bá T như sau: Giao cho chị Nguyễn Thị Thu S nuôi con chung Nguyễn Song T, sinh ngày 06/3/2010 đến 18 tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Thu S không yêu cầu anh Nguyễn Bá T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Án phí LHST: 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng y*) xét buộc chị Nguyễn Thị Thu S phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí LHST 300.000 đồng chị S đã nộp theo biên lai thu số 0005892 ngày 23/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện T
- THADS huyện T
- Những người tham gia tố tụng
- UBND Xã B.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa